

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 700/GDĐT

Cần Giờ, ngày 26 tháng 04 năm 2025

V/v rà soát học sinh được hỗ trợ chi
phí học tập theo Nghị quyết số
120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12
năm 2024

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học,
Trung học cơ sở.

Căn cứ Kế hoạch số 1924/KH-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày
11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ cho hộ gia
đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo
trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn
2021 - 2025;

Đến hiện tại, Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ mới nhận được báo cáo rà
soát của 09 trường (đính kèm danh sách).

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non,
Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện đôn đốc việc rà soát và báo cáo số
lượng học sinh thuộc diện được hỗ trợ gửi về Ông **Đặng Võ Hồng Thái** -
Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo - Zalo: 034.712.2206 **chậm nhất là
12g00 ngày 28 tháng 04 năm 2025** để tổng hợp. (đính kèm danh sách).

Sau thời gian trên, các đơn vị không thực hiện báo cáo, Hiệu trưởng chịu
hoàn toàn trách nhiệm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Th.



TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Diễm Phượng



**DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 120/NQ-HĐND NGÀY 11 THÁNG 12 NĂM 2024
NĂM HỌC 2024 - 2025 (ĐỢT 1)**

STT	TÊN TRƯỜNG	SỐ HỌC SINH
1	Mầm non Long Hòa	3
2	Mầm non Lý Nhơn	1
3	Mầm non Tam Thôn Hiệp	2
4	Tiểu học Lý Nhơn	2
5	Tiểu học Long Thạnh	6
6	Tiểu học Đồng Hòa	5
7	THCS Cần Thạnh	1
8	THCS Tam Thôn Hiệp	7
9	THCS Lý Nhơn	1
Tổng		28

DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 120/NQ-HĐND
NGÀY 11 THÁNG 12 NĂM 2024
NĂM HỌC 2024 - 2025 (ĐỢT 1)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Mã số hộ
1	Lưu Thuỵ Phượng Hằng	Ấp Tân Điền 5	27682010827HCN
2	Nguyễn Tuấn Kiệt	Ấp Lý Thái Bửu 16	27682020255HCN
3	Bùi Trần Tấn Tài	Ấp Lý Hoà Hiệp 37	27682030714HCN
4	Hồ Minh Trung	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040650HCN
5	Trần Thị Thanh Hiền	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040266HCN
6	Trần Thanh Hậu	Ấp Dương Văn Hạnh 18	27682040266HCN
7	Kim Nguyễn Anh Khôi	ấp An Lộc	27670010070HCN
8	Nguyễn Trần Trúc Đào	ấp An Lộc	27670010141HCN
9	Nguyễn Trần Tuyết Hương	ấp An Lộc	27670010141HCN
10	Nguyễn Trần Thủy Tiên	ấp An Lộc	27670010141HCN
11	Nguyễn Thị Thúy My	ấp An Lộc	27670010162HCN
12	Nguyễn Thị Thúy Nga	ấp An Lộc	27670010162HCN
13	Nguyễn Thị Thúy Kiều	ấp An Lộc	27670010162HCN
14	Trương Quốc Tấn	ấp An Lộc	27670010193HCN
15	Trương Thị Kim YẾN	ấp An Lộc	27670010193HCN
16	Trương Văn Tuấn	ấp An Lộc	27670010193 HCN
17	Nguyễn Tô Ngọc Hân	ấp An Lộc	27670011045HCN
18	Nguyễn Tô Tường Vy	ấp An Lộc	27670011045HCN
19	Nguyễn Tô Ngọc Hạnh	ấp An Lộc	27670011045HCN
20	Võ Thanh Gia Bảo	ấp An Phước	27670020653HCN
21	Võ Thanh Gia Kiệt	ấp An Phước	27670020653HCN
22	Nguyễn Lê Công Danh	ấp An Phước	27670020779HCN
23	Nguyễn Lê Anh Huy	ấp An Phước	27670020779HCN
24	Nguyễn Lê Thiên Long	ấp An Phước	27670020779HCN
25	Đặng Nguyễn Anh Khôi	ấp An Phước	27670023010HCN
26	Đặng Tuấn Khang	ấp An Phước	27670023010HCN
27	Võ Hoàng Thiên Ân	ấp An Phước	27670023010HCN
28	Bùi Thị Anh Thư	ấp An Phước	27670020942HCN
29	Bùi Ngọc Quỳnh Giao	ấp An Phước	27670020942HCN
30	Nguyễn Bích Trâm	ấp Trần Hưng Đạo	27670031642HCN
31	Nguyễn Thanh Triệu	ấp Trần Hưng Đạo	27670031642HCN
32	Lê Huy	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN
33	Lê Hoàng	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN
34	Đặng Thị Trúc Ly	ấp An Hòa	27670040542HCN
35	Đặng Thị Thanh Trúc	ấp An Hòa	27670040542HCN
36	Nguyễn Minh Khôi	ấp An Hòa	27670040581HCN
37	Nguyễn Minh Quân	ấp An Hòa	27670040581HCN
38	Nguyễn Minh Nghĩa	ấp An Hòa	27670040581HCN
39	Đặng Minh Phương	ấp An Hòa	27670040585HCN
40	Đặng Minh Duy	ấp An Hòa	27670040585HCN
41	Tạ Trần Hải Nguyên	Ấp Đồng Hòa	27679031166HCN
42	Nguyễn Hồ Bảo Hân	Ấp Đồng Hòa	27679031246HCN
43	Nguyễn Hoàng Nhựt	Ấp Đồng Hòa	27679031258HCN
44	Trần Thị Khánh Ngọc	Ấp Đồng Hòa	27679030644HCN
45	Trần Ngọc Tuyền	Ấp Đồng Hòa	27679030644HCN

46	Huỳnh Gia Hân	Ấp Đồng Tranh 1	27679040991HCN
47	Bùi Thị Thanh Kiều	Ấp Đồng Tranh 1	27679041188HCN
48	Trần Trọng Nhân	Ấp Đồng Tranh 1	27679040789HCN
49	Trần Minh Thư	Ấp Đồng Tranh 1	27679041196HCN
50	Trần Công Danh	Ấp Đồng Tranh 2	27679041196HCN
51	Nguyễn Trung Nghĩa	Ấp Đồng Tranh 2	27679041213HCN
52	Nguyễn Trung Quân	Ấp Đồng Tranh 3	27679041213HCN
53	Huỳnh Hữu Trí	Ấp Đồng Tranh 2	27679040941HCN
54	Huỳnh Hữu Duyên	Ấp Đồng Tranh 3	27679040941HCN
55	Huỳnh Hữu Thọ	Ấp Đồng Tranh 4	27679040941HCN
56	Đặng Ngọc Linh	Ấp Đồng Tranh 2	27679040878HCN
57	Đặng Ngọc Khánh Vy	Ấp Đồng Tranh 3	27679040878HCN
58	Quảng Thanh Nam	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011007HCN
59	Nguyễn Phi Long	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011007HCN
60	Nguyễn Hải Long	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011007HCN
61	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ấp Hòa Hiệp 4	27679011007HCN
62	Nguyễn Thị Kim Hiền	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010951HCN
63	Nguyễn Thị Xuân Diệu	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010951HCN
64	Nguyễn Vi Anh Thư	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010917HCN
65	Nguyễn Vi Minh Thư	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010917HCN
66	Nguyễn Thành Bảo	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010372HCN
67	Nguyễn Thị Yến Nhi	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010372HCN
68	Phạm Ngọc Phú	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010366HCN
69	Phạm Ngọc Lâm	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010366HCN
70	Trần Thị Như Hoa	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010419HCN
71	Trần Thị Bích Tiên	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010419HCN
72	Huỳnh Hà Ngân Khánh	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010519HCN
73	Huỳnh Liêu Phú Tân	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010920HCN
74	Huỳnh Liêu Phú Ân	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010920HCN
75	Nguyễn Minh Tiến	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010471HCN
76	Nguyễn Huỳnh Bảo Như	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011128HCN
77	Nguyễn Huỳnh Nhã Hương	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011128HCN
78	Nguyễn Huỳnh Khê Linh	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011128HCN
79	Hồ Tấn Đạt	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010921HCN
80	Hồ Ngọc Hân	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010921HCN
81	Nguyễn Dương Hải Yến	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011202HCN
82	Nguyễn Dương Hải Long	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011202HCN
83	Nguyễn Hữu Thái	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010285HCN
84	Nguyễn Thị Mỹ Duy	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010285HCN
85	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010285HCN
86	Nguyễn Phú Quý	Ấp Hòa Hiệp 4	27679010285HCN
87	Lê Thị Mỹ Quyên	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010284HCN
88	Lê Thanh Hậu	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010284HCN
89	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010490HCN
90	Nguyễn Văn Sang	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010490HCN
91	Võ Quỳnh Như Ý	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010927HCN
92	Võ Thị Ngọc Linh	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010927HCN
93	Võ Huỳnh Như	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010927HCN
94	Bùi Minh Lộc	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010234HCN
95	Bùi Nguyễn Minh Châu	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010234HCN

96	Phạm Hồng Thái	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010236HCN
97	Nguyễn Thị Thanh Phương	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010321HCN
98	Nguyễn Ngọc Thiện	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011130HCN
99	Nguyễn Ngọc Thịnh	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011130HCN
100	Huỳnh Ngọc Yên	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011119HCN
101	Huỳnh Tiến Phát	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011119HCN
102	Huỳnh Thị Kim Hoàng	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010534HCN
103	Bùi Thanh Phong	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010534HCN
104	Nguyễn Trần Ngọc Hân	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010567HCN
105	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011265HCN
106	Lê Bảo Ngọc	Ấp Long Thạnh 1	27679010245HCN
107	Lê Bảo Yên	Ấp Long Thạnh 2	27679010245 HCN
108	Nguyễn Thị Huỳnh My	Ấp Long Thạnh 1	27679010244HCN
109	Nguyễn Văn Hậu	Ấp Long Thạnh 2	27679010244HCN
110	Võ Minh Nghĩa	Ấp Long Thạnh 1	27679010998HCN
111	Võ Hoàng Minh Yên	Ấp Long Thạnh 2	27679010998HCN
112	Võ Minh Hiếu	Ấp Long Thạnh 3	27679010998HCN
113	Nguyễn Văn Hải	Ấp Long Thạnh 1	27679010271HCN
114	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	Ấp Long Thạnh 2	27679010271HCN
115	Nguyễn Minh Quân	Ấp Long Thạnh 3	27679010271HCN
116	Phạm Quốc Huy	Ấp Long Thạnh 1	27679010912HCN
117	Phạm Thị Thúy Bình	Ấp Long Thạnh 2	27679010912HCN
118	Phạm Quốc Minh	Ấp Long Thạnh 4	27679010912HCN
119	Từ Hoàng Long	Ấp Long Thạnh 1	27679010259HCN
120	Phạm Minh Khánh	Ấp Long Thạnh 2	27679010259HCN
121	Võ Văn Tùng	Ấp Long Thạnh 1	27679020982HCN
122	Võ Thị Kim Phụng	Ấp Long Thạnh 2	27679020982HCN
123	Trương Văn Hoàng	Ấp Long Thạnh 1	27679020084HCN
124	Phạm Khánh Hưng	Ấp Long Thạnh 1	27679020118HCN
125	Phạm Khánh Thịnh	Ấp Long Thạnh 2	27679020118HCN
126	Mu Ha Das Pa	Ấp Long Thạnh 2	27679020217HCN
127	Mu Ham Mach Ro Him	Ấp Long Thạnh 3	27679020217HCN
128	Phạm Thị Mỹ Duyên	Ấp Long Thạnh 3	27679020926HCN
129	Phạm Thị Ánh Tuyết	Ấp Long Thạnh 4	27679020926HCN
130	Nguyễn Phan Ngọc Tài	Ấp Long Thạnh 3	27679020064HCN
131	Phạm Hoàng Nam	Ấp Long Thạnh 3	27679020176HCN
132	Dương Hoàng Nam	Ấp Long Thạnh 3	27679020035HCN
133	Dương Hoàng Anh	Ấp Long Thạnh 4	27679020035HCN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1924~~ /KH-UBND

Cần Giờ, ngày 02 tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 799/KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố trên địa bàn huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kịp thời hỗ trợ cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 thụ hưởng đầy đủ các khoản chi hỗ trợ, để ổn định cuộc sống, hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới.

- Góp phần kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hoàn thành mục tiêu của Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố hằng năm và giai đoạn 2021 - 2025.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện chi hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Quá trình thực hiện phải đồng bộ, thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các xã, thị trấn với phương thức hỗ trợ linh hoạt, thuận lợi cho đối tượng được thụ hưởng.

II. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Đảm bảo nguyên tắc chi đủ, chi đúng, không bỏ sót, không trùng lặp.

2. Công khai, minh bạch, thuận lợi về thủ tục cho đối tượng thụ hưởng nhưng không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

3. Tích cực vận động mọi nguồn lực xã hội để cùng chăm lo, hỗ trợ thêm cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

III. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC CHI HỖ TRỢ

Thực hiện theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

1. Đối tượng thụ hưởng

Hỗ trợ cho **87** hộ gia đình bị ảnh hưởng do liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 tại các xã; trong đó: xã Lý Nhơn (13 hộ), xã Tam Thôn Hiệp (18 hộ), Long Hòa (53 hộ) và An Thới Đông (03 hộ).

2. Nội dung hỗ trợ

- Tiền điện: hỗ trợ tiền điện cho **87** hộ (755.100 đồng/hộ) với tổng số tiền: **65.693.700 đồng**.

- Thẻ bảo hiểm y tế: hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho **91** thành viên (379.080 đồng/thành viên) với tổng số tiền: **34.496.280 đồng**.

- Chi phí học tập: hỗ trợ chi phí học tập cho **133** em học sinh (1.350.000 đồng/em học sinh) với tổng số tiền: **179.550.000 đồng**.

(Đính kèm danh sách cụ thể)

3. Phương thức chi hỗ trợ

- Đối với chi hỗ trợ tiền điện: chi một lần cho các hộ gia đình.

- Đối với chi hỗ trợ tiền mua thẻ bảo hiểm y tế: chi trả một lần cho thành viên thuộc hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế trong Chương trình Giảm nghèo bền vững (thông qua cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện).

- Đối với chi hỗ trợ chi phí học tập: chi trả một lần chia thành 02 đợt, đợt 01 chi trả 05 tháng (năm học 2024 - 2025, từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 5 năm

2025), đợt 02 chi trả 04 tháng (năm học 2025 - 2026, từ tháng 9 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện (cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình giảm nghèo)

- Là đầu mối, chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Hướng dẫn chi tiết về phương thức, thủ tục chi trả và thanh quyết toán đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

- Theo dõi, giám sát việc triển khai, thực hiện hỗ trợ và kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh; ghi nhận, tổng hợp các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố để xem xét, giải quyết.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết theo định kỳ 6 tháng (*chậm nhất ngày 25 tháng 6 năm 2025*) và năm 2025 (*chậm nhất ngày 22 tháng 12 năm 2025*).

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Hướng dẫn các đơn vị về lập dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố trên địa bàn huyện.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện triển khai nội dung Nghị quyết này đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện; thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo phân cấp quản lý, đảm bảo đúng quy định.

4. Bảo hiểm xã hội huyện

Phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho đối tượng, giá trị thẻ từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

5. Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên, các trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện

Căn cứ Hướng dẫn số 4092/HD-SLĐTBXH ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố về phương thức chi trả và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025; dự toán kinh phí, phối hợp Ủy ban nhân dân các xã trong việc xác định đối tượng để thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, học viên đang theo học và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các xã: Long Hòa, Lý Nhơn, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về các chính sách của Thành phố để người dân biết, thực hiện và giám sát.
- Phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng theo danh sách, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch.
- Giải đáp thắc mắc cho người dân phản ánh và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

Triển khai đến hệ thống mặt trận từ cấp huyện đến cơ sở phối hợp tuyên truyền, phổ biến; giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có liên quan báo cáo kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình có liên quan đến việc thay đổi tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 gửi về Ủy ban nhân dân huyện thông qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân Thành phố theo quy định (*Báo cáo 6 tháng (chậm nhất ngày 25 tháng 6 năm 2025) và báo cáo năm 2025 (chậm nhất ngày 22 tháng 12 năm 2025)*).

Đề nghị các ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này; trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, kịp thời thông tin về Ủy ban nhân dân huyện thông qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện để xem xét giải quyết theo quy định hoặc báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND Thành phố;
- Ban chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Thường trực UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Bảo hiểm xã hội huyện;
- Trung tâm GDNN-GDTX huyện;
- Các trường THPT trên địa bàn huyện;
- Đảng ủy, Ủy ban nhân dân các xã (LH, LN, ATĐ, TTH);
- VP: CVP, PCVP/TH;
- Lưu: VT.P.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Xuân

DANH SÁCH 1

NGƯỜI CÓ NHU CẦU HỖ TRỢ DO CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THAY ĐỔI TIÊU CHÍ
XÁC ĐỊNH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO
BÊN VỮNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025.

(Hỗ trợ tiền điện)

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1324 /KH-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
1	Cao Thị Bích Phương	Ấp Tân Diên 5	27682010827HCN	755.100	
2	Nguyễn Thị Em	Ấp Lý Thái Bùu 12	27682020202HCN	755.100	
3	Dương Văn Trí	Ấp Lý Thái Bùu 12	27682020226HCN	755.100	
4	Nguyễn Thị Đàm	Ấp Lý Thái Bùu 13	27682020763HCN	755.100	
5	Nguyễn Văn Sáu	Ấp Lý Thái Bùu 16	27682020255HCN	755.100	
6	Nguyễn Ngọc Thạch	Ấp Lý Hoà Hiệp 28	27682030377HCN	755.100	
7	Nguyễn Thị Kim Soa	Ấp Lý Hoà Hiệp 37	27682030714HCN	755.100	
8	Trương Văn Lương	Ấp Lý Hoà Hiệp 39	27682030808HCN	755.100	
9	Phan Văn Đôn	Ấp Lý Hoà Hiệp 40	27682030597HCN	755.100	
10	Huỳnh Thị Ánh	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040650HCN	755.100	
11	Nguyễn Văn Hiếu	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040261HCN	755.100	
12	Trần Thanh Hiếu	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040266HCN	755.100	
13	Nguyễn Văn Ngộ	Ấp Dương Văn Hạnh 23	27682040326HCN	755.100	
14	Võ Văn Thiệt	AN ĐÔNG	27673013065HCN	755.100	
15	Nguyễn Văn Trí	AN BÌNH	27673032798HCN	755.100	
16	Lê Thị Tư	DOILẬU 2	27673093177HCN	755.100	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
17	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	ấp An Lộc	27670010070HCN	755.100	
18	Nguyễn Thị Lang	ấp An Lộc	27670010072HCN	755.100	
19	Đặng Thị Kim Sang	ấp An Lộc	27670010106HCN	755.100	
20	Nguyễn Thanh Tuấn	ấp An Lộc	27670010141HCN	755.100	
21	Nguyễn Văn Gô	ấp An Lộc	27670010162HCN	755.100	
22	Nguyễn Thị Kim Dung	ấp An Lộc	27670010193HCN	755.100	
23	Tô Thị Diệp	ấp An Lộc	27670011045HCN	755.100	
24	Nguyễn Thị Hồng Phương	ấp An Phước	27670020653HCN	755.100	
25	Lê Thị Bảo Yến	ấp An Phước	27670020779HCN	755.100	
26	Hồ Thị Thanh Xuân	ấp An Phước	27670023010HCN	755.100	
27	Bùi Minh Hiếu	ấp An Phước	27670020942HCN	755.100	
28	Nguyễn Bích Tuyền	ấp Trần Hưng Đạo	27670031642HCN	755.100	
29	Võ Đức Thu	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN	755.100	
30	Trương Văn Xê	ấp Trần Hưng Đạo	27670031021HCN	755.100	
31	Nguyễn Thị Lệ	ấp An Hòa	27670040340HCN	755.100	
32	Huỳnh Thị Thanh Thủy	ấp An Hòa	27670040542HCN	755.100	
33	Nguyễn Minh Luân	ấp An Hòa	27670040581HCN	755.100	
34	Nguyễn Văn Út	ấp An Hòa	27670040585HCN	755.100	
35	Trần Thị Diễm Hằng	ấp Đồng Hòa	27679031166HCN	755.100	
36	Trương Ngọc Phương	ấp Đồng Hòa	27679031246HCN	755.100	
37	Nguyễn Văn Thanh	ấp Đồng Hòa	27679031258HCN	755.100	
38	Đặng Thị Nguyệt	ấp Đồng Hòa	27679030644HCN	755.100	
39	Trần Hy	ấp Đồng Tranh 1	27679040991HCN	755.100	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
40	Phan Thị Cẩm	Ấp Đồng Tranh 1	27679040732HCN	755.100	
41	Pùi Minh Ngọc	Ấp Đồng Tranh 1	27679041188HCN	755.100	
42	Lê Thị Lộc	Ấp Đồng Tranh 1	27679040789HCN	755.100	
43	Dương Thị Trúc Thanh	Ấp Đồng Tranh 1	27679041196HCN	755.100	
44	Nguyễn Ngọc Nam	Ấp Đồng Tranh 2	27679041213HCN	755.100	
45	Nguyễn Thị Huệ	Ấp Đồng Tranh 2	27679040886HCN	755.100	
46	Nguyễn văn Đờ	Ấp Đồng Tranh 2	27679040941HCN	755.100	
47	Đặng Văn Hết	Ấp Đồng Tranh 2	27679040878HCN	755.100	
48	Nguyễn Văn Vệt	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011007HCN	755.100	
49	Nguyễn Văn Phương	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010951HCN	755.100	
50	Nguyễn Thị Kim Ngân	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010917HCN	755.100	
51	Nguyễn Thị Nửa	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010372HCN	755.100	
52	Nguyễn Thị Co	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010366HCN	755.100	
53	Trần Văn Giàu	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010419HCN	755.100	
54	Lê Thanh Hương	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010519HCN	755.100	
55	Huỳnh Trung Tinh	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010920HCN	755.100	
56	Nguyễn Văn Dốc	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010471HCN	755.100	
57	Nguyễn Kiều Cẩm Thuận	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011128HCN	755.100	
58	Nguyễn Văn Ích	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010921HCN	755.100	
59	Nguyễn Văn Hai	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011202HCN	755.100	
60	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010285HCN	755.100	
61	Nguyễn Thị Mỹ Mỹ Lê	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010284HCN	755.100	
62	Nguyễn Văn Lâm	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010490HCN	755.100	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
63	Võ Thành Tâm	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010927HCN	755.100	
64	Bù Thanh Long	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010234HCN	755.100	
65	Trần Thị Hồng Cẩm	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010236HCN	755.100	
66	Nguyễn Văn Dừa	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010321HCN	755.100	
67	Nguyễn Văn Bình	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011130HCN	755.100	
68	Nguyễn Văn Dừa	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011118HCN	755.100	
69	Huỳnh Bé Anh	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011119HCN	755.100	
70	Huỳnh Văn Tèo	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010534HCN	755.100	
71	Nguyễn Hùng Quyền	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010567HCN	755.100	
72	Huỳnh Thanh Tuyết	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011265HCN	755.100	
73	Lê Văn Út	Ấp Long Thành 1	27679010245HN	755.100	
74	Nguyễn Văn Phúc	Ấp Long Thành 1	27679010244HCN	755.100	
75	Võ Hoàng Minh	Ấp Long Thành 1	27679010998HCN	755.100	
76	Nguyễn Thị Sâm	Ấp Long Thành 1	27679010271HCN	755.100	
77	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Ấp Long Thành 1	27679010912HCN	755.100	
78	Nguyễn Thị Cả	Ấp Long Thành 1	27679010259HCN	755.100	
79	Lý Thị Chương	Ấp Long Thành 1	27679020982HCN	755.100	
80	Nguyễn Thị Sanh	Ấp Long Thành 1	27679020040HCN	755.100	
81	Lê Thị Ngọc Huyền	Ấp Long Thành 1	27679020084HCN	755.100	
82	Dương Văn Thà	Ấp Long Thành 1	27679020118HCN	755.100	
83	Nguyễn Văn Thành	Ấp Long Thành 2	27679020217HCN	755.100	
84	Phạm Thị Ngọc Châu	Ấp Long Thành 3	27679020926HCN	755.100	
85	Nguyễn Thị Hồng	Ấp Long Thành 3	27679020064HCN	755.100	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
86	Nguyễn Thị Hai	Ấp Long Thành 3	27679020176HCN	755.100	
87	Cao Thị Bê	Ấp Long Thành 3	27679020035HCN	755.100	
Tổng cộng: 87 HỘ				65.693.700	



DANH SÁCH 2

NGƯỜI CÓ NHU CẦU HỖ TRỢ DO CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THAY ĐỔI TIÊU CHÍ
XÁC ĐỊNH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO
BÊN VỮNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025.

(Hỗ trợ bảo hiểm y tế)

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1324 /KH-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc)

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
1	Lưu Thuỵ Phương Hằng	Ấp Tân Điền 5	27682010827HCN	379.080	
2	Dương Văn Trí	Ấp Lý Thái Bửu 12	27682020226HCN	379.080	
3	Trương Thị Bò	Ấp Lý Thái Bửu 12	27682020226HCN	379.080	
4	Nguyễn Văn Sáu	Ấp Lý Thái Bửu 16	27682020255HCN	379.080	
5	Huỳnh Thị Lệ	Ấp Lý Thái Bửu 16	27682020255HCN	379.080	
6	Nguyễn Tuấn Kiệt	Ấp Lý Thái Bửu 16	27682020255HCN	379.080	
7	Nguyễn Ngọc Thạch	Ấp Lý Hoà Hiệp 28	27682030377HCN	379.080	
8	Châu Thị Út	Ấp Lý Hoà Hiệp 28	27682030377HCN	379.080	
9	Bùi Trần Tấn Tài	Ấp Lý Hoà Hiệp 37	27682030714HCN	379.080	
10	Trương Văn Lương	Ấp Lý Hoà Hiệp 39	27682030808HCN	379.080	
11	Trần Thị Thảo	Ấp Lý Hoà Hiệp 39	27682030808HCN	379.080	
12	Phan Văn Đồn	Ấp Lý Hoà Hiệp 40	27682030597HCN	379.080	
13	Lê Thị Út	Ấp Lý Hoà Hiệp 40	27682030597HCN	379.080	
14	Huỳnh Thị Ánh	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040650HCN	379.080	
15	Hồ Minh Trung	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040650HCN	379.080	
16	Trần Thanh Hiếu	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040266HCN	379.080	
17	Phan Thị Duyên	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040266HCN	379.080	
18	Trần Thị Thanh Hiền	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040266HCN	379.080	

19	Trần Thanh Hậu	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040266HCN	379.080	
20	Nguyễn Văn Bọt	Ấp Dương Văn Hạnh 23	27682040326HCN	379.080	
21	Võ Văn Thiệt	An Đông	27673013065HCN	379.080	
22	Nguyễn Văn Trí	An Bình	27673032798HCN	379.080	
23	Lê Thị Tư	Đoi Lầu 2	27673093177HCN	379.080	
24	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	ấp An Lộc	27670010070HCN	379.080	
25	Kim Nguyễn Anh Khôi	ấp An Lộc	27670010070HCN	379.080	
26	Đặng Thị Kim Sang	ấp An Lộc	27670010106HCN	379.080	
27	Nguyễn Tấn Cường	ấp An Lộc	27670010106HCN	379.080	
28	Trần Thị Tuyết Nhung	ấp An Lộc	27670010141HCN	379.080	
29	Nguyễn Trần Trúc Đào	ấp An Lộc	27670010141HCN	379.080	
30	Nguyễn Trần Tuyết Hương	ấp An Lộc	27670010141HCN	379.080	
31	Nguyễn Trần Thủy Tiên	ấp An Lộc	27670010141HCN	379.080	
32	Nguyễn Văn Gõ	ấp An Lộc	27670010162HCN	379.080	
33	Nguyễn Thị Bích Phương	ấp An Lộc	27670010162HCN	379.080	
34	Nguyễn Thị Thủy Mỹ	ấp An Lộc	27670010162HCN	379.080	
35	Nguyễn Thị Thủy Nga	ấp An Lộc	27670010162HCN	379.080	
36	Nguyễn Thị Thủy Kiều	ấp An Lộc	27670010162HCN	379.080	
37	Nguyễn Thị Kim Dung	ấp An Lộc	27670010193HCN	379.080	
38	Trương Quốc Tấn	ấp An Lộc	27670010193HCN	379.080	
39	Trương Thị Kim Yên	ấp An Lộc	27670010193HCN	379.080	
40	Trương Văn Tuấn	ấp An Lộc	27670010193HCN	379.080	
41	Tô Thị Diệp	ấp An Lộc	27670011045HCN	379.080	
42	Nguyễn Tô Ngọc Hân	ấp An Lộc	27670011045HCN	379.080	
43	Nguyễn Tô Tường Vy	ấp An Lộc	27670011045HCN	379.080	
44	Nguyễn Tô Ngọc Hạnh	ấp An Lộc	27670011045HCN	379.080	

45	Tô Thị Thanh Thúy	ấp An Lộc	27670011045HCN	379.080	
46	Nguyễn Thị Hồng Phương	ấp An Phước	27670020653HCN	379.080	
47	Võ Thanh Gia Bảo	ấp An Phước	27670020653HCN	379.080	
48	Đoàn Thị Ngọc	ấp An Phước	27670020653HCN	379.080	
49	Võ Thanh Gia Kiệt	ấp An Phước	27670020653HCN	379.080	
50	Lê Thị Bảo Yến	ấp An Phước	27670020779HCN	379.080	
51	Nguyễn Lê Công Danh	ấp An Phước	27670020779HCN	379.080	
52	Nguyễn Lê Anh Huy	ấp An Phước	27670020779HCN	379.080	
53	Nguyễn Lê Thiên Long	ấp An Phước	27670020779HCN	379.080	
54	Hồ Thị Thanh Xuân	ấp An Phước	27670023010HCN	379.080	
55	Nguyễn Văn Giàu	ấp An Phước	27670023010HCN	379.080	
56	Đặng Nguyễn Anh Khôi	ấp An Phước	27670023010HCN	379.080	
57	Đặng Tuấn Khang	ấp An Phước	27670023010HCN	379.080	
58	Nguyễn Thị Thanh Lan	ấp An Phước	27670023010HCN	379.080	
59	Võ Hoàng Thiên Ân	ấp An Phước	27670023010HCN	379.080	
60	Đặng Nguyễn Thiên Kim	ấp An Phước	27670023010HCN	379.080	
61	Bùi Thị Anh Thư	ấp An Phước	27670020942HCN	379.080	
62	Bùi Ngọc Quỳnh Giao	ấp An Phước	27670020942HCN	379.080	
63	Nguyễn Bích Tuyền	ấp Trần Hưng Đạo	27670031642HCN	379.080	
64	Nguyễn Thanh Triệu	ấp Trần Hưng Đạo	27670031642HCN	379.080	
65	Lê Hoàng Khanh	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN	379.080	
66	Lê Huy	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN	379.080	
67	Lê Hoàng	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN	379.080	
68	Trương Văn Xé	ấp Trần Hưng Đạo	27670031021HCN	379.080	
69	Lê Thanh Tuấn	ấp An Hòa	27670040340HCN	379.080	
70	Huỳnh Thị Thùy Trang	ấp An Hòa	27670040542HCN	379.080	

71	Đặng Thị Trúc Ly	ấp An Hòa	27670040542HCN	379.080	
72	Đặng Thị Thanh Trúc	ấp An Hòa	27670040542HCN	379.080	
73	Nguyễn Minh Luân	ấp An Hòa	27670040581HCN	379.080	
74	Lê Thị Thu Hồng	ấp An Hòa	27670040581HCN	379.080	
75	Nguyễn Minh Khôi	ấp An Hòa	27670040581HCN	379.080	
76	Nguyễn Minh Quân	ấp An Hòa	27670040581HCN	379.080	
77	Nguyễn Lê Anh Tú	ấp An Hòa	27670040581HCN	379.080	
78	Nguyễn Minh Nghĩa	ấp An Hòa	27670040581HCN	379.080	
79	Nguyễn Văn Út	ấp An Hòa	27670040585HCN	379.080	
80	Nguyễn Văn Hiếu	ấp An Hòa	27670040585HCN	379.080	
81	Nguyễn Tấn Thuận	ấp An Hòa	27670040585HCN	379.080	
82	Trương Thị Đức	ấp An Hòa	27670040585HCN	379.080	
83	Nguyễn Kiều Cẩm Thuận	ấp Hòa Hiệp 1	27679011128HCN	379.080	
84	Nguyễn Huỳnh Bảo Như	ấp Hòa Hiệp 2	27679011128HCN	379.080	
85	Nguyễn Huỳnh Nhã Hương	ấp Hòa Hiệp 3	27679011128HCN	379.080	
86	Nguyễn Huỳnh Khê Linh	ấp Hòa Hiệp 4	27679011128HCN	379.080	
87	Phạm Chiến Thắng	ấp Long Thanh 4	27679010912HCN	379.080	
88	Phạm Thị Ngọc Châu	ấp Long Thanh 3	27679020926HCN	379.080	
89	Phạm Thị Mỹ Duyên	ấp Long Thanh 4	27679020926HCN	379.080	
90	Phạm Thị Ánh Tuyết	ấp Long Thanh 5	27679020926HCN	379.080	
91	Phan Văn Út	ấp Long Thanh 5	27679020064HCN	379.080	
Tổng cộng: 91 người				34.496.280	

DANH SÁCH 3
NGƯỜI CÓ NHU CẦU HỖ TRỢ DO CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THAY ĐỔI TIÊU CHÍ
XÁC ĐỊNH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO
BÊN VỮNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Hỗ trợ chi phí học tập)

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1324 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giò)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
1	Lưu Thuý Phương Hằng	Ấp Tân Điền 5	27682010827HCN	1.350.000	
2	Nguyễn Tuấn Kiệt	Ấp Lý Thái Bửu 16	27682020255HCN	1.350.000	
3	Bùi Trần Tấn Tài	Ấp Lý Hoà Hiệp 37	27682030714HCN	1.350.000	
4	Hồ Minh Trung	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040650HCN	1.350.000	
5	Trần Thị Thanh Hiền	Ấp Dương Văn Hạnh 17	27682040266HCN	1.350.000	
6	Trần Thanh Hậu	Ấp Dương Văn Hạnh 18	27682040266HCN	1.350.000	
7	Kim Nguyễn Anh Khôi	ấp An Lộc	27670010070HCN	1.350.000	
8	Nguyễn Trần Trúc Đào	ấp An Lộc	27670010141HCN	1.350.000	
9	Nguyễn Trần Tuyết Hương	ấp An Lộc	27670010141HCN	1.350.000	
10	Nguyễn Trần Thùý Tiên	ấp An Lộc	27670010141HCN	1.350.000	
11	Nguyễn Thị Thùý My	ấp An Lộc	27670010162HCN	1.350.000	
12	Nguyễn Thị Thùý Nga	ấp An Lộc	27670010162HCN	1.350.000	
13	Nguyễn Thị Thùý Kiều	ấp An Lộc	27670010162HCN	1.350.000	
14	Trương Quốc Tấn	ấp An Lộc	27670010193HCN	1.350.000	
15	Trương Thị Kim Yến	ấp An Lộc	27670010193HCN	1.350.000	
16	Trương Văn Tuấn	ấp An Lộc	27670010193HCN	1.350.000	
17	Nguyễn Tô Ngọc Hân	ấp An Lộc	27670011045HCN	1.350.000	
18	Nguyễn Tô Tương Vy	ấp An Lộc	27670011045HCN	1.350.000	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
19	Nguyễn Tô Ngọc Hạnh	ấp An Lộc	27670011045HCN	1.350.000	
20	Võ Thanh Gia Bảo	ấp An Phước	27670020653HCN	1.350.000	
21	Võ Thanh Gia Kiệt	ấp An Phước	27670020653HCN	1.350.000	
22	Nguyễn Lê Công Danh	ấp An Phước	27670020779HCN	1.350.000	
23	Nguyễn Lê Anh Huy	ấp An Phước	27670020779HCN	1.350.000	
24	Nguyễn Lê Thiên Long	ấp An Phước	27670020779HCN	1.350.000	
25	Đặng Nguyễn Anh Khôi	ấp An Phước	27670023010HCN	1.350.000	
26	Đặng Tuấn Khang	ấp An Phước	27670023010HCN	1.350.000	
27	Võ Hoàng Thiên Ân	ấp An Phước	27670023010HCN	1.350.000	
28	Bùi Thị Anh Thư	ấp An Phước	27670020942HCN	1.350.000	
29	Bùi Ngọc Quỳnh Giao	ấp An Phước	27670020942HCN	1.350.000	
30	Nguyễn Bích Trâm	ấp Trần Hưng Đạo	27670031642HCN	1.350.000	
31	Nguyễn Thanh Triệu	ấp Trần Hưng Đạo	27670031642HCN	1.350.000	
32	Lê Huy	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN	1.350.000	
33	Lê Hoàng	ấp Trần Hưng Đạo	27670030962HCN	1.350.000	
34	Đặng Thị Trúc Ly	ấp An Hòa	27670040542HCN	1.350.000	
35	Đặng Thị Thanh Trúc	ấp An Hòa	27670040542HCN	1.350.000	
36	Nguyễn Minh Khôi	ấp An Hòa	27670040581HCN	1.350.000	
37	Nguyễn Minh Quân	ấp An Hòa	27670040581HCN	1.350.000	
38	Nguyễn Minh Nghĩa	ấp An Hòa	27670040581HCN	1.350.000	
39	Đặng Minh Phương	ấp An Hòa	27670040585HCN	1.350.000	
40	Đặng Minh Duy	ấp An Hòa	27670040585HCN	1.350.000	
41	Tạ Trần Hải Nguyễn	ấp Đồng Hòa	27679031166HCN	1.350.000	
42	Nguyễn Hồ Bảo Hân	ấp Đồng Hòa	27679031246HCN	1.350.000	
43	Nguyễn Hoàng Nhựt	ấp Đồng Hòa	27679031258HCN	1.350.000	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
44	Trần Thị Khánh Ngọc	Ấp Đồng Hòa	27679030644HCN	1.350.000	
45	Trần Ngọc Tuyền	Ấp Đồng Hòa	27679030644HCN	1.350.000	
46	Huỳnh Gia Hân	Ấp Đồng Tranh 1	27679040991HCN	1.350.000	
47	Bùi Thị Thanh Kiều	Ấp Đồng Tranh 1	27679041188HCN	1.350.000	
48	Trần Trọng Nhân	Ấp Đồng Tranh 1	27679040789HCN	1.350.000	
49	Trần Minh Thư	Ấp Đồng Tranh 1	27679041196HCN	1.350.000	
50	Trần Công Danh	Ấp Đồng Tranh 2	27679041196HCN	1.350.000	
51	Nguyễn Trung Nghĩa	Ấp Đồng Tranh 2	27679041213HCN	1.350.000	
52	Nguyễn Trung Quân	Ấp Đồng Tranh 3	27679041213HCN	1.350.000	
53	Huỳnh Hữu Trí	Ấp Đồng Tranh 2	27679040941HCN	1.350.000	
54	Huỳnh Hữu Duyên	Ấp Đồng Tranh 3	27679040941HCN	1.350.000	
55	Huỳnh Hữu Thọ	Ấp Đồng Tranh 4	27679040941HCN	1.350.000	
56	Đặng Ngọc Linh	Ấp Đồng Tranh 2	27679040878HCN	1.350.000	
57	Đặng Ngọc Khánh Vy	Ấp Đồng Tranh 3	27679040878HCN	1.350.000	
58	Quảng Thanh Nam	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011007HCN	1.350.000	
59	Nguyễn Phi Long	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011007HCN	1.350.000	
60	Nguyễn Hải Long	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011007HCN	1.350.000	
61	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ấp Hòa Hiệp 4	27679011007HCN	1.350.000	
62	Nguyễn Thị Kim Hiền	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010951HCN	1.350.000	
63	Nguyễn Thị Xuân Diệu	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010951HCN	1.350.000	
64	Nguyễn Vi Anh Thư	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010917HCN	1.350.000	
65	Nguyễn Vi Minh Thư	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010917HCN	1.350.000	
66	Nguyễn Thanh Bảo	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010372HCN	1.350.000	
67	Nguyễn Thị Yến Nhi	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010372HCN	1.350.000	
68	Phạm Ngọc Phú	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010366HCN	1.350.000	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
69	Phạm Ngọc Lâm	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010366HCN	1.350.000	
70	Trần Thị Như Hoa	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010419HCN	1.350.000	
71	Trần Thị Bích Tiên	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010419HCN	1.350.000	
72	Huỳnh Hà Ngân Khánh	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010519HCN	1.350.000	
73	Huỳnh Liêu Phú Tân	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010920HCN	1.350.000	
74	Huỳnh Liêu Phú Ân	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010920HCN	1.350.000	
75	Nguyễn Minh Tiến	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010471HCN	1.350.000	
76	Nguyễn Huỳnh Bảo Như	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011128HCN	1.350.000	
77	Nguyễn Huỳnh Nhã Hương	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011128HCN	1.350.000	
78	Nguyễn Huỳnh Khê Linh	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011128HCN	1.350.000	
79	Hồ Tấn Đạt	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010921HCN	1.350.000	
80	Hồ Ngọc Hân	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010921HCN	1.350.000	
81	Nguyễn Dương Hải Yến	Ấp Hòa Hiệp 1	27679011202HCN	1.350.000	
82	Nguyễn Dương Hải Long	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011202HCN	1.350.000	
83	Nguyễn Hữu Thái	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010285HCN	1.350.000	
84	Nguyễn Thị Mỹ Duy	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010285HCN	1.350.000	
85	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010285HCN	1.350.000	
86	Nguyễn Phú Quý	Ấp Hòa Hiệp 4	27679010285HCN	1.350.000	
87	Lê Thị Mỹ Quyên	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010284HCN	1.350.000	
88	Lê Thanh Hậu	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010284HCN	1.350.000	
89	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010490HCN	1.350.000	
90	Nguyễn Văn Sang	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010490HCN	1.350.000	
91	Võ Quỳnh Như Ý	Ấp Hòa Hiệp 1	27679010927HCN	1.350.000	
92	Võ Thị Ngọc Linh	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010927HCN	1.350.000	
93	Võ Huỳnh Như	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010927HCN	1.350.000	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
94	Bùi Minh Lộc	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010234HCN	1.350.000	
95	Bùi Nguyễn Minh Châu	Ấp Hòa Hiệp 3	27679010234HCN	1.350.000	
96	Phạm Hồng Thái	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010236HCN	1.350.000	
97	Nguyễn Thị Thanh Phương	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010321HCN	1.350.000	
98	Nguyễn Ngọc Thiện	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011130HCN	1.350.000	
99	Nguyễn Ngọc Thịnh	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011130HCN	1.350.000	
100	Huỳnh Ngọc Yến	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011119HCN	1.350.000	
101	Huỳnh Tiến Phát	Ấp Hòa Hiệp 3	27679011119HCN	1.350.000	
102	Huỳnh Thị Kim Hoàng	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010534HCN	1.350.000	
103	Bùi Thanh Phong	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010534HCN	1.350.000	
104	Nguyễn Trần Ngọc Hân	Ấp Hòa Hiệp 2	27679010567HCN	1.350.000	
105	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	Ấp Hòa Hiệp 2	27679011265HCN	1.350.000	
106	Lê Bảo Ngọc	Ấp Long Thạnh 1	27679010245HCN	1.350.000	
107	Lê Bảo Yến	Ấp Long Thạnh 2	27679010245HCN	1.350.000	
108	Nguyễn Thị Huỳnh My	Ấp Long Thạnh 1	27679010244HCN	1.350.000	
109	Nguyễn Văn Hậu	Ấp Long Thạnh 2	27679010244HCN	1.350.000	
110	Võ Minh Nghĩa	Ấp Long Thạnh 1	27679010998HCN	1.350.000	
111	Võ Hoàng Minh Yến	Ấp Long Thạnh 2	27679010998HCN	1.350.000	
112	Võ Minh Hiếu	Ấp Long Thạnh 3	27679010998HCN	1.350.000	
113	Nguyễn Văn Hải	Ấp Long Thạnh 1	27679010271HCN	1.350.000	
114	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	Ấp Long Thạnh 2	27679010271HCN	1.350.000	
115	Nguyễn Minh Quân	Ấp Long Thạnh 3	27679010271HCN	1.350.000	
116	Phạm Quốc Huy	Ấp Long Thạnh 1	27679010912HCN	1.350.000	
117	Phạm Thị Thúy Bình	Ấp Long Thạnh 2	27679010912HCN	1.350.000	
118	Phạm Quốc Minh	Ấp Long Thạnh 4	27679010912HCN	1.350.000	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số hộ	Kinh phí hỗ trợ chính sách	Ghi chú
119	Từ Hoàng Long	Ấp Long Thành 1	27679010259HCN	1.350.000	
120	Phạm Minh Khánh	Ấp Long Thành 2	27679010259HCN	1.350.000	
121	Võ Văn Tùng	Ấp Long Thành 1	27679020982HCN	1.350.000	
122	Võ Thị Kim Phụng	Ấp Long Thành 2	27679020982HCN	1.350.000	
123	Trương Văn Hoàng	Ấp Long Thành 1	27679020084HCN	1.350.000	
124	Phạm Khánh Hưng	Ấp Long Thành 1	27679020118HCN	1.350.000	
125	Phạm Khánh Thịnh	Ấp Long Thành 2	27679020118HCN	1.350.000	
126	Mu Ha Das Pa	Ấp Long Thành 2	27679020217HCN	1.350.000	
127	Mu Ham Mach Ro Him	Ấp Long Thành 3	27679020217HCN	1.350.000	
128	Phạm Thị Mỹ Duyên	Ấp Long Thành 3	27679020926HCN	1.350.000	
129	Phạm Thị Ánh Tuyết	Ấp Long Thành 4	27679020926HCN	1.350.000	
130	Nguyễn Phan Ngọc Tài	Ấp Long Thành 3	27679020064HCN	1.350.000	
131	Phạm Hoàng Nam	Ấp Long Thành 3	27679020176HCN	1.350.000	
132	Dương Hoàng Nam	Ấp Long Thành 3	27679020035HCN	1.350.000	
133	Dương Hoàng Anh	Ấp Long Thành 4	27679020035HCN	1.350.000	
Tổng cộng: 133 người				179.550.000	